TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang N sinh năm 1987 là Chủ hộ kinh doanh T; địa chỉ: tổ B, ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2 Bị đơn: Ông Bùi Văn T sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị Ngọc T1; cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023 nguyên đơn là ông Lê Quang N - Chủ hộ kinh doanh Thiên Phước trình bày:

Từ ngày 19/7/2021, vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc T1 có mua của Cửa hàng V (tên gọc khác là Cửa hàng V1) một số vật liệu xây dựng nhà tổng số tiền là: 76.379.000 đồng. Ông T, bà T1 đã thanh toán được 9.000.000 đồng, còn nợ lại tổng cộng là 67.379.000 đồng.

Ông đã nhiều lần đến nhà nhắc nhở trả số tiền còn lại nhưng ông T vẫn không trả nên ông đã làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp P nhờ giải quyết. Vào ngày 13/12/2022, Ban lãnh đạo ấp đã mời giải quyết và ông T đã làm giấy cam kết sẽ trả cho ông mỗi tháng là 3.000.000 đồng vào ngày 13 Tây hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày 13/12/2022, riêng tháng cắt lúa vụ Đông X và Hè T2 mỗi tháng sẽ trả số tiền là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 13/12/2022 cho đến nay ông T, bà T1 cũng chưa thanh toán cho ông lần nào.

Ông N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị Ngọc T1 liên đới trả cho ông số tiền mua vật liệu xây dựng là 67.379.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Bùi Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc T1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông T, bà T1 tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông, bà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Ông Lê Quang N là Chủ hộ kinh doanh Thiên Phước khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc T1 trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông T, bà T1 có địa chỉ nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, đểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2]Về nội dung:

Ông Lê Quang N yêu cầu vợ chồng ông ông Bùi Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc T1 phải thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 67.379.000 đồng. Ông T, bà T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, cũng không có ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do ông N cung cấp.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/12/2022 của Tổ hòa giải ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ông T xác định còn nợ ông N số tiền mua vật liệu xây dựng là 67.379.000 đồng và đã viết giấy cam kết trả bắt đầu từ ngày 13/01/2023 mỗi tháng sẽ trả số tiền là 3.000.000 đồng, riêng tháng thu hoạch lúa Đông X, Hè T2 sẽ trả số tiền là 5.000.000 đồng. Đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, giao dịch của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên các các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của ông N buộc ông T, bà T1 phải liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ vốn gốc 67.379.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015) cũng phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án nên được Tòa án chấp nhận.

Ông N không yêu cầu tính lãi nên Hồi đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Quang N - Chủ hộ kinh doanh Thiên Phước đối với bị đơn là ông Bùi Văn T, bà Đỗ Thị Ngọc T1.

Buộc ông T, bà T1 liên đới trả cho ông N số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 67.379.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận toàn bộ nên ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.684.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000238 ngày 02/10/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông T, bà T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 67.379.000 đồng x 5% = 3.368.950 đồng, làm tròn là 3.369.000 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú